TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Long Nhiên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.
2. Ông Bùi Huỳnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969.
Trú tại: khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1969.
Trú tại: khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Y tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình chấp nhận tiến tổ chức lễ cưới theo phong tục và về chung sống với nhau từ ngày 21/6/1986 âm lịch nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã phường nào.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn lý do ông Y không chú tâm làm ăn, mải mê cờ bạc, rượu chè về gây sự đánh đập bà nhưng vì các con nên bà chấp nhận sống chung để nuôi con, nay các con đã thành niên có gia đình riêng; hơn thế nữa vợ chồng đã cắt đứt quan hệ phần

ai nấy sống đã lâu, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau bà Nh yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Y.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh năm 1988 và Nguyễn Tường K; sinh năm 1994. Khi ly hôn, hai con đã thành niên, đã đi làm có thu nhập tự lo cho bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung:

Vợ chồng có tài sản chung là nhà, đất tại Tổ 7, khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh B, khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết. Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Việc ông Y nại ra vợ chồng có tài sản chung là 150.000.000đ và 30 chỉ vàng 24k hiện do bà đang quản lý bà N không đồng ý. Vợ chồng chỉ làm thuê, ai thuê gì làm nấy, phải nuôi 02 con; hơn thế nữa ông Y cờ bạc rượu chè, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ nợ tới nhà đòi liên tục. Vì chỉ có 01 cái nhà nên bà phải vay mượn để trả nợ cho ông Y nên vợ chồng làm không có dư với số tiền và vàng như ông Y nại ra. Nên bà không đồng ý thối lại cho ông Y ½ số tiền 150.000.000đ và 30 chỉ vàng 24k.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với bà Nguyễn Thị N trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian tìm hiểu và chung sống với nhau. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về chuyện tiền bạc. Vợ dùng tiền của vợ chồng mà không hỏi ý kiến của ông, mặc dù đã cho cơ hội để vợ cải sửa tính tính nhưng vẫn không thay đổi tính tình. Cùng thời điểm trên thì vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nên bà N yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh năm 1988 và Nguyễn Tường K; sinh năm 1994. Khi ly hôn, hai con đã thành niên, đã đi làm có thu nhập tự lo cho bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung:

Vợ chồng có tài sản chung là nhà, đất tại Tổ 7, khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh B. Khi ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết. Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Ngoài ra vợ chồng có tài sản chung là 150.000.000đ do ông làm thuê tích góp được và 30 chỉ vàng 24k do trúng số kiến thiết năm nào ông không nhớ rõ không cung cấp cho Tòa án được. Tiền và vàng trên hiện do bà N đang quản lý. Khi ly hôn, ông yêu cầu bà N thối lại cho ông ½ tiền và vàng trên.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã T ngày 09/9/2019 bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Y có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh B (nay là khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh B) chưa từng cắt khẩu chuyển đi nơi khác và

về sống chung với nhau từ năm 1986 đến nay nhưng chưa từng đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh B.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Y. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh năm 1988 và Nguyễn Tường K; sinh năm 1994. Khi ly hôn, hai con đã thành niên, đã đi làm có thu nhập tự lo cho bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết. Về tài sản chung, nhà, đất tại Tổ 7, khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh B. Khi ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét. Miễn xét yêu cầu của ông Y về việc buộc bà N thối lại ½ số tiền 150.000.000đ và 30 chỉ vàng 24k vì ông không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn. Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt**;** ông Nguyễn Văn Y vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Y tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình chấp nhận tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục và về chung sống với nhau từ ngày 21/6/1986 âm lịch . Tuy nhiên, từ khi chung sống đến nay, bà N và ông Y không đăng ký kết hôn. Căn cứ Nghị quyết 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội Khóa 10 về hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000, bà N và ông Y không đăng ký kết hôn nhưng vẫn được xem là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không tin tưởng, bất đồng quan điểm sống; ông Y không chú tâm làm ăn, cờ bạc rượu chè về gây sự đánh đập bà mặc dù đã cho nhau cơ hội để cải sửa tính tình nhưng ông Y vẫn chứng nào tật ấy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hạnh phúc bị tan vỡ. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống từ tháng 4/2017 cho đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông Y đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn nữa. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên, phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung*:* Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh năm 1988 và Nguyễn Tường K, sinh năm 1994. Khi ly hôn, hai con đã thành niên, đã đi làm có thu nhập tự lo cho bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết

Về tài sản chung:

Vợ chồng có tài sản chung là nhà, đất tại Tổ 7, khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh B. Khi ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

Ông Nguyễn Văn Y nại ra vợ chồng có số tiền 150.000.000đ do ông làm thuê hốt bột cưa mỗi ngày 200.000đ/ngày từ năm 2013 đến năm 2017 và 30 chỉ vàng 24k do ông trúng sổ xố kiến thiết nhưng năm nào thì ông không nhớ rõ. Tất cả vàng và tiền trên hiện do bà N đang quản lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án đã thông báo yêu cầu ông Nguyễn Văn Y nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn nhưng ông Y không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn vì vậy Tòa án không xét yêu cầu chia tài sản của ông Y trong vụ án này. Ông Y có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án khác.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006376 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Về án phí chia tài sản: Miễn xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội Khóa 10 và các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Y.

- Về con chung: Về con chung*:* Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh năm 1988 và Nguyễn Tường K, sinh năm 1994. Khi ly hôn, hai con đã thành niên, đã đi làm có thu nhập tự lo cho bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết

- Về tài sản chung:

+ Miễn xét tài sản chung là nhà, đất tại Tổ 7, khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh B do bà N ông Y tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Miễn xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn Y về việc buộc bà Nguyễn Thị N thối lại ½ số tiền 150.000.000đ và 30 chỉ vàng 24k.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006376 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Về án phí chia tài sản: Miễn xét.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND thị trấn Phú Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Long Nhiên